

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 01 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Hoàng Văn Lộc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Phương

Bà Nguyễn Thị Vòng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Đình Th, sinh năm: 1977; cư trú tại: Số Ph, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thu Y, sinh năm: 1982; cư trú tại: đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02/10/2018, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đặng Đình Th và chị Trần Thị Thu Y quá trình tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện, sau đó kết hôn vào ngày 13/11/2006 tại UBND phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau. Do điều kiện hai vợ chồng ở xa, anh ở tại thành phố V, chị ở tại thành phố Đồng Hới nên không chăm sóc gia đình cùng nhau, từ đó không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh Th cảm thấy không thể kéo dài tình trạng này được, hạnh phúc ngày càng nhạt dần, vợ chồng không còn thương yêu nhau, đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, chị Y ở cùng hai cháu tại nhà bố mẹ chị Y tại phường Đ, còn anh Th về ở tại nhà bố mẹ

anh Th tại thành phố V, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn chị Y.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh Th thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Thái S, sinh ngày 05/6/2007 và cháu Đặng Khánh Q, sinh ngày 29/6/2012. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thái S; giao cháu Đặng Khánh Q cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu chị Y không đồng ý anh Th xin nuôi cháu nào cũng được.

Về chia tài sản: Anh Th khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của chị Trần Thị Thu Y tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như anh Th trình bày, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, mong muốn của hai bên là vun đắp, xây dựng gia đình. Nhưng trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Trong gia đình thường xảy ra không khí căng thẳng, vợ chồng ít trao đổi trò chuyện với nhau, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau. Trong nhiều năm liền hai vợ chồng đã cố gắng khắc phục, tự hòa giải để hàn gắn tình cảm hôn nhân, nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ 2014 cho đến nay, chị Y ở cùng hai cháu tại nhà bố mẹ chị Y tại phường Đ, còn anh Th về ở tại nhà bố mẹ anh Th tại thành phố V. Nay tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, anh Th làm đơn xin ly hôn chị cũng đồng ý, mong Tòa án giải quyết.

Về nuôi con chung: Chị Y thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Thái S, sinh ngày 05/6/2007 và cháu Đặng Khánh Q, sinh ngày 29/6/2012. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Thái S và cháu Đặng Khánh Q. Yêu cầu anh Th đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng, như đơn khởi kiện mà anh Th đã trình bày. Từ khi vợ chồng kết hôn vợ chồng ở tại phường Đ cùng với hai cháu cho đến 2014 vợ chồng ly thân, hai cháu vẫn ở cùng chị Y tại phường Đ cho đến nay, còn anh Th ở tại thành phố V.

Về chia tài sản: Chị Y khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Đặng Đình Th có đơn đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc xin ly hôn giữa anh và chị Trần Thị Thu Y, chị Y có nơi cư trú và làm việc tại thành phố Đồng Hới. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật, các bên đương sự có mặt Toà án đã tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự, các bên không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-DS ngày 03/01/2019 và tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho các bên đương sự, các bên đương sự có mặt tại phiên toà. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Đình Th và chị Trần Thị Thu Y quá trình tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện, có kết hôn vào ngày 13/11/2006 tại UBND phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, việc kết hôn của anh, chị đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mà cuộc sống chung của vợ chồng trong thời gian gần đây luôn xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai bên bất đồng về quan điểm sống, thiếu sự thông cảm chia sẻ trong đời sống vợ chồng, dẫn đến thiếu sự tôn trọng nhau. Tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau phải sống ly thân từ năm 2014, chị Y ở tại nhà mẹ đẻ tại phường Đ cùng hai con, anh Th về sống tại nhà bố mẹ tại thành phố V. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Anh Th, chị Y đều xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không thể khắc phục được, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Cuộc sống không ai quan tâm ai mà đã bỏ mặc nhau nhiều năm, nay anh, chị đã sống ly thân nhau từ năm 2014 nên anh Th, chị Y đồng ý xin thuận tình ly hôn.

Tại phiên toà các bên đương sự không thay đổi ý kiến thuận tình ly hôn cũng như tại các phiên hoà giải, đề nghị Toà án xử công nhận thuận tình ly hôn cho vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Th và chị Y là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh Th và chị Y thừa nhận vợ chồng có 02 cháu con chung là cháu Đặng Thái S, sinh ngày 05/6/2007 và cháu Đặng Khánh Q, sinh ngày 29/6/2012. Sau khi ly hôn anh, chị đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, chị Y xin được nuôi cả hai cháu để hai anh em được ở cùng nhau vì hai cháu đều con nhỏ, ở với chị từ nhỏ, còn anh Th xin được trực tiếp nuôi cháu S hoặc cháu Q.

Xét nguyện vọng và điều kiện của hai bên thấy rằng nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau ly hôn là nguyện vọng chính đáng, thể hiện tình cảm trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái, cả hai bên đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét đến mọi mặt và quyền lợi của các con, hạn chế thấp nhất những mất mát tình cảm không đáng có cho các cháu, hiện nay các cháu đều còn nhỏ, anh em đã quen ở cùng nhau, việc chia tách mỗi cháu cho một người nuôi sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý tình cảm anh em, các cháu hiện đang đi học ổn định tại phường Đ nơi hai cháu lớn lên từ nhỏ. Mặt khác, các cháu còn nhỏ

cần sự quan tâm săn sóc của người mẹ hơn, trong thời gian trước đây cũng như từ khi anh chị ly thân đến nay chị Y cũng là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 2 cháu bảo đảm tốt về mọi mặt và theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu S xin được cùng ở với mẹ và em gái. Nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận nguyện vọng của chị Y giao cả hai con chung cho chị Y tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh Th đóng góp tiền nuôi con cùng chị Y mỗi tháng 2.500.000 đồng kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Các đương sự thuận tình ly hôn mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí ly hôn, anh Thành phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

2. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Đình Th và chị Trần Thị Thu Y.

3. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu Y được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung: Đặng Thái S, sinh ngày 05/6/2007 và cháu Đặng Khánh Q, sinh ngày 29/6/2012, buộc anh Đặng Đình Th phải có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con cùng chị Y mỗi tháng 2.500.000 đồng kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về chia tài sản: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc Anh Đặng Đình Th phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0000777 ngày 10 tháng 10 năm 2018, anh Th phải nộp tiếp 150.000 đồng. Chị Trần Thị Thu Y phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 21/01/2019, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ,
- thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc